

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2025/DS-PT

Ngày 23 - 7 - 2025

V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tạng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội.

Ông Sỹ Danh Đạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Bình, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 363/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 04/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ B, khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà B, đường T, phường H, thành phố C, (nay là Phường C), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị T: Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1986. Là Người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 05/5/2025.

Địa chỉ: Số G, tổ C, ấp A, xã A, huyện C, (nay Phường M), tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Ứng A K, sinh năm 1983;

Nơi thường trú: Tổ E, khóm M, phường M, thành phố C, (nay Phường M), tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số A, P, phường M, thành phố C, (nay Phường M), tỉnh Đồng Tháp.

* Người kháng cáo: Chị Võ Thị Bích T là nguyên đơn.

Có mặt chị T1. Chị K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Bích T trình bày:

Chị Võ Thị Bích T và chị Ứng A K (L) là chỗ làm ăn quen biết. Từ tháng 01/2024 đến nay, chị T có cho chị Ừ A K vay tiền nhiều lần, tổng số tiền mà chị K đã vay của chị T là 150.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 20/03/2024, chị T có cho chị K vay số tiền 40.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản, nội dung chuyển khoản là “T chuyển tiền mượn”, không có ghi biên nhận, mục đích vay tiền để làm ăn, thời hạn trả tiền là khi nào chị T cần sẽ cho chị K hay trước 01 tháng để chị K trả lại, lãi suất thỏa thuận cho khoản vay này là 3.000.000 đồng/tháng.

Ngày 09/04/2024, chị T có cho chị K vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, lần này chị K có ghi biên nhận mục đích vay tiền là để làm ăn, thỏa thuận khi nào chị T cần sẽ cho chị K hay trước 01 tháng để chị K trả lại, lãi suất thỏa thuận cho khoản vay này là 2.000.000 đồng/tháng.

Ngày 29/4/2024, chị K nói do cần tiền làm ăn nên nhờ chị T cho chị K mượn tạm số tiền là 20.000.000 đồng, khi nào chị T yêu cầu thì chị K sẽ trả lại, lãi suất thỏa thuận là 1,8 triệu/tháng, việc mượn tiền này không có biên nhận.

Ngày 13/6/2024, chị K tiếp tục nói cần mượn thêm tiền nên nhờ chị T cho chị K mượn tạm thêm số tiền là 40.000.000 đồng, khi nào chị T yêu cầu chị K sẽ trả lại, lãi suất thỏa thuận là 4 triệu/tháng. Việc mượn tiền này không có biên nhận.

Đối với lần mượn tiền vào ngày 29/4/2024 và ngày 13/06/2024, tuy không có ghi biên nhận nhưng chị K có xác nhận nợ với chị T thông qua nội dung tin nhắn trò chuyện Zalo giữa chị T và chị K.

Như vậy, tổng số tiền chị K đã vay của chị T là 150.000.000 đồng, chị T nhiều lần yêu cầu chị K hoàn trả số tiền nợ gốc cho chị T nhưng chị K không thực hiện.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị U' A Kịu trả cho chị T số tiền vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn chị Ủng A K trình bày:*

Tất cả các khoản vay đều có liên quan đến việc chơi hụi với chị T, biên nhận vay tiền các lần điều chuyển khoản qua lại, chị K sẽ về sao kê chứng minh các khoản đã chuyển cho chị T. Chị K không đồng ý hòa giải đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Nếu khoản nào chị T yêu cầu thì chị T phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh thì chị K mới chấp nhận.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:*

Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị K trả số tiền vay 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Về căn cứ khởi kiện, đối với số tiền vay 40.000.000 đồng ngày 20/3/2024 chị T có chuyển khoản cho chị K và có cung cấp bảng sao kê từ Ngân hàng. Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng chị K có ghi biên nhận ngày 09/4/2024 cho chị T. Đối với số tiền vay 20.000.000 đồng ngày 29/4/2024 và số tiền vay 40.000.000 đồng ngày 13/6/2024, chị T chỉ đưa tiền mặt không có làm biên nhận. Nhưng chị T có cung cấp Vi bằng là nội dung đoạn ghi âm nói chuyện điện thoại giữa chồng của chị T với chị K, chị K có nhắc đến số tiền vay 20.000.000 đồng và 40.000.000 đồng, giữa chị T và chị K có nhắn tin Zalo, chị K thừa nhận có thiếu nợ chị T nhưng do điện thoại bị hư nên chị T không thể cung cấp được đoạn tin nhắn Zalo chị K thừa nhận nợ với chị T.

Số tiền chị T cho chị K vay là tiền cá nhân của chị T, không có liên quan đến chồng của chị T. Quá trình vay chị K có trả tiền lãi nên chị T đã không yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay này. Mặc dù phía bị đơn không thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm được lập Vi bằng nhưng chị T không yêu cầu Tòa án giám định giọng nói chị K.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ủng A K, bà Ngô Thị Kim X trình bày:*

Chị K chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền vay 40.000.000 đồng chuyển khoản ngày 20/3/2024 và số tiền 50.000.000 đồng chị K có ghi biên nhận ngày 09/4/2024. Đối với số tiền 20.000.000 đồng ngày 29/4/2024 và số tiền 40.000.000 đồng ngày 13/6/2024 chị T yêu cầu là không có căn cứ nên chị K không đồng ý trả và chị K không có vay các khoản vay này. Đối với Vi bằng do phía nguyên đơn tự cung cấp, không phải giọng nói của chị K, chị K cũng không thừa nhận nội dung của Vi bằng. Quá trình vay chị K có đóng lãi cho chị T nhưng không yêu cầu Tòa án xem xét đối với số tiền lãi đã đóng cho chị T. Số tiền vay chị K vay của cá nhân chị T không liên quan gì đến chồng chị T.

* Tại Quyết định Bản án sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích T.

Buộc chị Ứng A K trả cho chị Võ Thị Bích T tổng số tiền vay 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) (trong đó số tiền vay 40.000.000 đồng chuyển khoản ngày 20/3/2024 và số tiền vay 50.000.000 đồng của biên nhận ngày 09/04/2024).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28 tháng 4 năm 2025 chị Võ Thị Bích T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Chị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc chị Ứng A K (chị L) trả cho thêm cho chị T số tiền vay là 20.000.000 đồng ngày 29/4/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị Bích T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Chị K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 273, 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo chị T có cho chị K vay nhiều lần cụ thể:

- Lần 1: Ngày 20/3/2024 số tiền 50.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 09/4/2024, số tiền 40.000.000 đồng.
- Lần 3: Ngày 29/4/2024, số tiền 20.000.000 đồng.
- Lần 4: Ngày 13/6/2024, số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng. Chị T yêu cầu chị K trả 150.000.000 đồng.

[3] Về phía chị K chỉ thừa nhận có vay của chị T 02 lần vào ngày 20/3/2024 và ngày 09/4/2024, tổng cộng số tiền 90.000.000 đồng.

[4] Án sơ thẩm xử buộc chị K trả cho chị T 90.000.000 đồng.

[5] Chị T không đồng ý kháng cáo yêu cầu chị K trả 110.000.000 đồng của các lần vay ngày 20/3/2024, ngày 09/4/2024 và ngày 29/4/2024. Như vậy, chị T kháng cáo yêu cầu chị K trả số tiền vay ngày 29/4/2024 là 20.000.000 đồng.

[6] Xét kháng cáo của chị T yêu cầu chị K trả số tiền vay 20.000.000 đồng vay ngày 29/4/2024.

[7] Xét thấy, ngày 29/4/2024 khi chị T cho chị K vay 20.000.000 đồng không làm biên nhận. Chị T không có văn bản, giấy tờ để chứng minh chị K có vay số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 29/4/2024. Chị K không thừa nhận có vay của chị T số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 29/4/2024.

[7.1] Chị T cung cấp Vi bằng là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa chồng chị T và chị K, tuy nhiên nội dung Vi bằng lại không thể hiện được thời gian và số tiền chị K có vay của chị T, chị T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đoạn ghi âm chị T lập Vi bằng là giọng nói của chị K, chị T cũng không có yêu cầu Tòa án giám định giọng nói của chị K trong đoạn ghi âm. Phía bị đơn không thừa nhận việc có nói chuyện với chồng chị T và không thừa nhận nội dung Vi bằng do phía nguyên đơn tự cung cấp.

[7.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T có cung cấp 01 văn bản tin nhắn từ Zalo C. Linh S: 0828532283 có nội dung: Chị còn tiền lãi 1,8tr của 20tr của chị Bé B, hôm qua bà ghé lấy tiền lãi rồi...và hình ảnh chụp từ Zalo: Giấy V chuyển khoản thành công 1.800.000 đồng, ngày 29/4/2024, người hưởng thụ Võ Thị Bích T...nội dung Ủng A chuyển tiền.

[7.3] Về phía chị T cho rằng cho chị K vay ngày 29/4/2024, số tiền 20.000.000 đồng, nhưng tin nhắn chị T cung cấp chị K chuyển 1.800.000 đồng, cùng ngày với ngày vay số tiền 20.000.000 đồng ngày 29/4/2024 là hoàn toàn mâu thuẫn. Đồng thời, nội dung chuyển tiền cũng không thể hiện chị K chuyển 1.800.000 đồng cho chị T là tiền gì.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của chị T cho rằng số tiền cho vay 20.000.000 đồng, ngày 29/4/2024, thỏa thuận lãi suất 1.800.000 đồng/tháng. Ngày 29/4/2024, chị K có đóng lãi 1.800.000 đồng, nhưng về phía chị T không có chứng cứ chứng minh, sau khi nhận tiền vay chị K phải đóng lãi ngay số tiền 1.800.000 đồng.

[9] Vì thế, cũng chưa đủ căn cứ xác định ngày 29/4/2024 chị T có cho chị K vay số tiền 20.000.000 đồng.

[10] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của chị T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[13] Do kháng cáo của chị T không được chấp nhận, nên chị T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị Bích T.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích T.

Buộc chị Ủng A K trả cho chị Võ Thị Bích T tổng số tiền vay 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) (trong đó số tiền vay 40.000.000 đồng chuyển khoản ngày 20/3/2024 và số tiền vay 50.000.000 đồng của biên nhận ngày 09/04/2024).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ủng A K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Võ Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013243 ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, chị T được nhận lại số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí phúc thẩm.

Chị Võ Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của chị T là 300.000 đồng theo biên lai số 0003518 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, được trừ vào tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 6, tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Tạng